

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/DS-ST
Ngày: 25-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng
hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Nga.
2. Ông Nguyễn Thành Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp D, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị N, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Theo giấy ủy quyền ngày 27/5/2020.

- Bị đơn: Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn T** (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2020 và trình bày của bà Võ Thị N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc B, vụ án có nội dung được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện bà B yêu cầu buộc bà H và ông T có nghĩa vụ trả số tiền hui còn nợ của hai dây hui là 101.726.000 đồng, gồm vốn 75.000.000 đồng, lãi chậm trả của 02 dây hui là 26.726.000 đồng. Cụ thể: Hui tháng mức 1.000.000 đồng, mở ngày 15/01/2015 ân yêu cầu tiền của 05 lần hui là 5.000.000 đồng. Hui 06 tháng mức hui 10.000.000 đồng, mở ngày 09/01/2015 ân có 11 phần, bà H tham gia 01 phần và hót hui kỳ đầu tiên, đóng hui chết được 03 lần thì ngưng, dây hui mãi vào ngày 09/01/2020 và bà H còn nợ 07 lần hui là 70.000.000 đồng.

Quá trình làm việc và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện đối với yêu cầu của hui tháng mức 1.000.000 đồng và một phần của hui 06 tháng mức hui 10.000.000 đồng. Bà B yêu cầu buộc bà H và ông T trả tiền 04 kỳ hui chết (kỳ thứ 8 đến thứ 11) của dây hui 10.000.000 đồng, mở ngày 09/01/2015 ân là 40.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật 0,83%/tháng, tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ giao tiền hui.

Bị đơn bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan T vắng mặt, quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bà H và ông T liên đới hoàn trả cho nguyên đơn tiền hui là 40.000.000 đồng, lãi và án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng hui đối với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án dân sự và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hợp lệ nhưng cả hai lần mở phiên tòa bị đơn và ông T đều vắng mặt không lý do, nguyên đơn và Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện đối với yêu cầu của hội tháng mức 1.000.000 đồng và một phần của hội 06 tháng mức hội 10.000.000 đồng đến kỳ hội lần thứ 7. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là tự nguyện và nội dung tranh chấp này đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, riêng yêu cầu còn lại đối với 04 kỳ hội chết (kỳ thứ 8 đến thứ 11) của đây hội 10.000.000 đồng, mở ngày 09/01/2015 âm và lãi là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc rút một phần đơn khởi kiện và đình chỉ giải quyết theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.1] Xét yêu cầu của bà B về 04 kỳ hội của đây 10.000.000 đồng, mở ngày 09/01/2015 âm thì thấy: Hội có 11 phần, một năm mở hội hai lần vào ngày 09/01 và 09/6, bà H tham gia 01 phần và nhận tiền hội kỳ đầu tiên, hội đã kết thúc vào ngày 09/01/2020 âm. Năm 2016 và 2018, nguyên đơn B đã khởi kiện bà H đối với đây hội này và cung cấp biên nhận giao tiền hội do bà H ký tên, trong quá trình giải quyết Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì tiến hành ghi lời khai (bút lục 47) thì bà H thừa nhận có tham gia đây hội trên và có nợ tiền hội bà B. Tại bản án số 52/2018/DS-ST, ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì (bút lục 41-42) buộc bà H trả cho bà B số tiền hội đến kỳ thứ 7, nay nguyên đơn yêu cầu buộc bà H trả từ kỳ thứ 8 đến kỳ 11 đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về tranh chấp tiền hội chết 04 kỳ là 40.000.000 đồng đối với bà H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nghĩa vụ liên đới: Giữa bà H và ông T là vợ chồng, số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên đây là nợ chung. Theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định số nợ này là nghĩa vụ chung của bà H và ông T.

[2.3] Về lãi suất: Hội các bên tham gia là hội có lãi, bên chậm thực hiện nghĩa vụ phải trả lãi theo quy định pháp luật. Theo quy định tại các Điều 468, 471 Bộ luật dân sự thì yêu cầu của nguyên đơn buộc bà H và ông T trả lãi theo quy định pháp luật 0,83%/tháng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Người đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ. Cụ thể: Kỳ thứ 8 mở là ngày 09/6/2018 âm (21/7/2018 dl), giao nhận tiền ngày 09/7/2018 âm (19/8/2018 dl); kỳ thứ 9 là ngày 09/01/2019 âm (13/02/2019 dl), giao nhận tiền ngày 09/02/2019 âm (14/3/2019 dl); kỳ thứ 10 là ngày 09/6/2019 âm (11/7/2019 dl), giao nhận tiền ngày 09/7/2019 âm (09/8/2019 dl); kỳ thứ 11 là ngày 09/01/2020 âm (02/02/2020 dl), giao nhận tiền ngày 09/02/2020 âm (02/3/2020 dl).

Như vậy, Hội đồng xét xử tính lãi cụ thể như sau:

Tiền lãi của kỳ thứ 8 tính từ ngày 19/8/2018 đến ngày 25/9/2020 là 2.099.962 đồng (10.000.000 đồng x 0,833%/tháng x 02 năm 01 tháng 06 ngày)

Tiền lãi của kỳ thứ 9 tính từ ngày 14/3/2019 đến ngày 25/9/2020 là 1.530.547 đồng (10.000.000 đồng x 0,833%/tháng x 01 năm 06 tháng 11 ngày)

Tiền lãi của kỳ thứ 10 tính từ ngày 09/8/2019 đến ngày 25/9/2020 là 1.127.732 đồng (10.000.000 đồng x 0,833%/tháng x 01 năm 01 tháng 16 ngày)

Tiền lãi của kỳ thứ 11 tính từ ngày 02/3/2020 đến ngày 25/9/2020 là 563.871 đồng (10.000.000 đồng x 0,833%/tháng x 06 tháng 23 ngày)

[3] Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, theo quy định bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[4] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 288; Điều 468; Điều 471 Bộ luật Dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng hội đồng với bị đơn bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T.

Buộc bị đơn bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc B số tiền 45.322.112 đồng gồm tiền vốn 40.000.000 đồng và lãi 5.322.112 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về hội 1.000.000 đồng mở ngày 15/01/2015 và hội 10.000.000 đồng, mở ngày 09/01/2015 đến kỳ hội lần thứ 7.

2. Về án phí:

Bị đơn bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.266.105 đồng.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B không phải chịu án phí và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.175.000 đồng theo biên lai thu số 0003197 ngày 23/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ T PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Trần Thị Thanh Mai